TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HA HÒA- TỈNH PHÚ THO
Bản án số: 39/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 21/6/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ - TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Vũ Văn Võ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Phạm Thị Ngọc Dinh**
2. **Ông Trương Văn Bình**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Nguyễn Việt Dũng -** Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:

Bà Đinh Phương Mai - KSV

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 16/5/2018 ; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C** , sinh năm 1993 . Vắng mặt
Địa chỉ: Khu 2, xã P , huyện H, tỉnh Phú Thọ
Chị C có đơn xin xử vắng mặt

Bị đơn: Anh **Trần Đức K** , sinh năm 1991 . Vắng mặt
Địa chỉ: Khu 2, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
Anh K vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đức K ngày 19/9/2012, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chúng sống ban đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2014. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh K để giải phóng cho bản thân và ổn định cuộc sống.

Về con chung:

Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 31/01/2013 , hiện nay cháu Q đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh K cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp:

Chị xác định vợ chồng không có, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh K đều vắng mặt không đến Toà án làm việc.Tòa án đã mời ông Trần Văn B là bố đẻ của anh K đến Tòa án để lấy lời khai, tại lời khai ngày 22/02/2018 ông B trình bày:

Anh K và chị C kết hôn ngày 19/9/2012 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại tại UBND xã P , huyện H, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chúng sống ban đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hợp nhau, bất đồng quan điểm sống , chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu 7 xã G – huyện H không trở về chung sống cùng anh K nữa, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2014.

Đến nay ông xác định giữa anh K và chị C không còn tình cảm vợ chồng nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Đối với anh K do đi làm ăn anh có biết việc chị C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn , nhưng anh không về được. gia đình đã nhận toàn bộ những văn bản tố tụng do Tòa án giao và đã thông báo trực tiếp cho anh K, anh K có nói với gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn, anh không về được đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án và thông báo phiên hòa giải, tống đạt hợp lệ cho anh Trần Đức K mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hoà giải nhưng anh K đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh K theo đúng quy định của BLTTDS, nhưng anh cố tình vắng mặt vì vậy vụ án không hòa giải được thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 207, Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 227 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị C có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 - BL TTDS Toà án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị C kết hôn với anh Trần Đức K ngày 19/9/2012, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chúng sống ban đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hợp nhau, bất đồng quan điểm sống , vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2014. Đến nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh K để giải phóng cho bản thân và ổn định cuộc sống.

Căn cứ vào lời khai của ông Trần Văn B là bố đẻ của anh K xác định hiện tại chị C và anh K đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn.

Qua xác minh tại xã P, đại diện UBND xã và Hội phụ nữ xã P đều xác nhận: Quá trình chung sống của vợ chồng anh K, chị C tại địa phương đã xảy ra nhiều mâu thuẫn , hiện tại hai bên không chung sống cùng nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ .

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C với anh K đã đến mức độ trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không còn tồn tại, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C với anh Trần Đức K là phù hợp với điều 56 luật hôn nhân và gia đình .

[3].Về con chung:

Chị Nguyễn Thị C xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 31/01/2013, hiện nay cháu Q đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh K cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị C là phù hợp, cần chấp nhận.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:

Trong quá trình giải quyết cũng như các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay gì, chị C không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Trần Đức K vắng mặt không có ý kiến của của anh K về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5].Về án phí:

Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Phát biểu tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hạ hòa đã khẳng định quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ quy định của BLTTDS;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 56 , 81,82 , 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 , khoản 4 Điều 147 - BLTTDS . Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Đức K

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Q, sinh ngày 31/01/2013, anh K cấp dưỡng nuôi cháu Q theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:

Trong quá trình giải quyết cũng như các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay gì, chị C không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Trần Đức K vắng mặt không có ý kiến của của anh K về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí:

Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo luật định.

Đề nghị của đại diện VKSND huyện Hạ Hòa phù hợp với nhận định của HĐXX, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56,58, 81,82,83 , 110,116,117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 207, điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 , khoản 4 Điều 147 - BLTTDS. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Về quan hệ hôn nhân :

Xử: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Đức K

Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Q, sinh ngày 31/01/2013 , anh K cấp dưỡng nuôi cháu Q theo từng tháng mỗi tháng 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) kể từ tháng 6/2018 đến khi cháu Q thành niên .

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản chung; Công nợ chung và công sức đóng góp:

Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp mà các đương sự có yêu cầu Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị

C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hoà theo biên lai số 0003395 ngày 16/01/2018 (xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí).

Anh Trần Đức K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung .

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã P , huyện H , tỉnh Phú Thọ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND H. Hạ Hòa*
- *Chi cục THADS H. Hạ Hòa*
- *Lưu HS - VP*
- *UBND xã P .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Võ